

**Mẫu CBTT-03**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH  
GTVT QUẢNG NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT**  
(Quý 4 năm 2009)

**I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>86.987.821.455</b>	<b>72.092.747.184</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	23.751.518.210	35.848.268.091
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	44.078.159.624	24.755.992.726
4	Hàng tồn kho	16.561.085.990	11.461.013.131
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.597.057.631	27.473.236
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>11.079.398.897</b>	<b>9.438.366.696</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	11.043.203.064	9.402.170.863
	- Tài sản cố định hữu hình	10.950.781.986	9.252.843.019
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	92.421.078	149.327.844
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	26.195.833	26.195.833
5	Tài sản dài hạn khác	10.000.000	10.000.000
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>98.067.220.352</b>	<b>81.531.113.880</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>74.044.540.973</b>	<b>55.222.596.685</b>
1	Nợ ngắn hạn	73.920.325.265	55.222.596.685
2	Nợ dài hạn	124.215.708	
<b>V</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>24.022.679.379</b>	<b>26.308.517.195</b>
1	Vốn chủ sở hữu	22.905.437.488	25.270.379.214
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12.000.000.000	12.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	7.781.434.467	7.721.434.467
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.822.215.431	5.247.157.157
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	301.787.590	301.787.590
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1.117.241.891	1.038.137.981
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	199.562.118	165.072.118
	- Nguồn kinh phí	124.245.000	124.245.000
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	793.434.773	748.820.863
<b>VI</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>98.067.220.352</b>	<b>81.531.113.880</b>

**II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)

<b>ST T</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kỳ báo cáo Q4/2009</b>	<b>Luỹ kế cả năm</b>
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.707.473.322	71.289.901.763
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	109.412.727	572.121.647
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.598.060.595	70.717.780.116
4	Giá vốn hàng bán	36.023.962.762	62.714.620.840
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.574.097.833	8.003.159.276
6	Doanh thu hoạt động tài chính	505.039.082	1.053.015.489
7	Chi phí tài chính	1.375.000	36.799.958
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.141.797.873	3.506.343.467
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.935.964.042	5.513.031.340
11	Thu nhập khác	140.777.697	988.864.953
12	Chi phí khác	11.565.542	15.852.906
13	Lợi nhuận khác	129.212.155	973.012.047
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.065.176.197	6.486.043.387
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	580.234.471	1.178.886.230
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.484.941.726	5.307.157.157
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.070,78	4.422,63
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

*Tam kỳ, ngày 04 tháng 02 năm 2010*  
**Tổng giám đốc**

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Đặng Thơ**

**Nguyễn Tuấn Anh**

**Trần Mộng Nhung**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(theo phương pháp trực tiếp)

**QUÝ 4 NĂM 2009**

	CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1.	Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	31.745.635.822	26.496.948.215
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(5.255.662.582)	(7.974.810.595)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.186.545.776)	(932.703.881)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(1.375.000)	(31.700.832)
5.	Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(146.095.500)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.714.690.684	1.837.726.332
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(15.364.059.074)	(12.581.187.007)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>11.652.684.074</b>	<b>6.668.176.732</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(66.231.091)	(33.893.445)
2.	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	27.818.182	15.548.182
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(26.460.000.000)	(16.700.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	15.960.000.000	10.600.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	576.468.716	195.733.888
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(9.961.944.193)</b>	<b>(5.922.611.375)</b>
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(93.990.000)	(4.300.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(93.990.000)</b>	<b>(4.300.000)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>1.596.749.881</b>	<b>741.265.357</b>
	Tiền tồn đầu kỳ	60	1.251.518.210	510.252.853
	<b>Tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>2.848.268.091</b>	<b>1.251.518.210</b>

Tam kỳ, ngày 04 tháng 02 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Đặng Thơ

Nguyễn Tuấn Anh

Trần Mộng Nhung

**Số / GTr-BTGD**  
V/v: giải trình báo cáo KQKD Q4/2009

Tam kỳ, ngày 25 tháng 01 năm 2010

**Kính gửi : Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty CP công trình GTVT Quảng Nam là một đơn vị sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng. Sản phẩm chủ yếu của công ty là xây dựng cơ bản các công trình giao thông.

Căn cứ nội dung yêu cầu tại công văn số 14/TB-SGDHN ngày 11/01/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội: Trường hợp kết quả kinh doanh giữa hai kỳ báo cáo có biến động từ năm phần trăm (5%) trở lên, tổ chức niêm yết phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn đến biến động bất thường đó trong báo cáo tài chính quý.

Công ty CP công trình GTVT Quảng Nam xin giải trình về việc kết quả kinh doanh quý 4 năm 2009 tăng lớn hơn năm phần trăm (5%) so với quý 3 năm 2009 như sau:

Tại thời điểm quý 3 năm 2009 giá trị sản lượng xây lắp các công trình chỉ được nghiệm thu từng hạng mục, một số công trình lớn chưa được nghiệm thu thanh toán khối lượng cho nên doanh thu thấp dẫn đến lợi nhuận thấp.

Trong quý 4 năm 2009 đa số công trình đã được nghiệm thu bàn giao, đồng thời một số công trình mới phát sinh cũng được đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành cuối năm, nên doanh thu quý 4 đạt được là: **39.707.473.322 đ** tăng **24.767.554.730 đ** so với quý 3; lợi nhuận quý 4 đạt được là: **2.484.941.726 đ** tăng **1.226.746.184 đ** so với quý 3.

Vậy, Công ty CP công trình GTVT Quảng Nam làm văn bản này giải trình sự biến động bất thường trong KQKD giữa BCTC hai kỳ báo cáo để Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các cổ đông được biết.

Trân trọng kính chào!

**CTY CP CÔNG TRÌNH GTVT QUẢNG NAM**

**Nơi gửi:**

- Như trên
- Lưu TC-KT